

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC HẠ VỪA
(Từ ngày 01 đến 15/9/ 2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 200-400mm; có nơi trên 500mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái giảm so với kỳ trước và thấp hơn trung bình nhiều năm (TBNN) cùng kỳ 42%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy trên sông Lô giảm so với kỳ trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn TBNN khoảng 74%. + Sông Đà: Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên và có xu thế tăng nhẹ so với kỳ trước; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình ở mức thấp hơn 26% so với TBNN cùng kỳ. + Trên sông Hồng: Từ ngày 18-22/8, lưu lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội có xu thế tăng do hồ Hòa Bình mở 01 cửa xả đáy, sau đó giảm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội thấp hơn TBNN cùng kỳ 9%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
Tổng lượng mưa: phổ biến 80-180mm, có nơi cao hơn 200mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái có xu thế tăng so với kỳ trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 16%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 73%. + Sông Đà: Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế tăng so với kỳ trước; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình tuần tới ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 41%. + Trên sông Hồng: Lưu lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội có xu thế xuống. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo thấp hơn TBNN cùng kỳ 19%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
Tổng lượng mưa: Phổ biến 300-500mm, có nơi cao hơn.
Tổng lượng dòng chảy: + Từ ngày 21-26/8, trên sông Cầu đã xuất hiện 01 đợt lũ; lưu lượng dòng chảy tăng mạnh so với kỳ trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại trạm Gia Bả cao hơn so với TBNN cùng kỳ 135%. + Từ ngày 21-26/8, trên sông Lục Nam đã xuất hiện 01 đợt lũ, lưu lượng dòng chảy tại trạm Chũ tăng so với kỳ trước, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN cùng kỳ 333%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
Tổng lượng mưa: Phổ biến 80-150mm, có nơi cao hơn 150mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu lưu lượng dòng chảy giảm so với kỳ trước; tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại trạm Gia Bả ở mức thấp hơn TBNN cùng kì khoảng 17%. + Trên sông Lục Nam, lưu lượng dòng chảy giảm so với kỳ trước, tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 26%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 300-600mm
Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Nửa cuối tháng 8/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng hơn so với nửa đầu tháng 8. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 48%, sông Cả tại trạm Yên Thượng ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt cao hơn khoảng 30%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm cao hơn khoảng 8%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Nửa cuối tháng 8, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (TP Huế) tại trạm Thượng Nhật ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 6%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 100 -250mm, có nơi 200-400mm.
Tổng lượng dòng chảy:

- + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong nửa đầu tháng 9/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm hơn so với nửa cuối tháng 8. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 29%; sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn khoảng 24%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 36%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 47%.
- + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Nửa đầu tháng 9, dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật thấp hơn TBNN cùng kỳ 12%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
Tổng lượng mưa: Phổ biến 10-30mm, có nơi cao hơn 50mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Nửa cuối tháng 8, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 9%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang thấp hơn TBNN cùng kỳ 16%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Lưu lượng dòng chảy trên các sông phổ biến biến đổi chậm và thấp hơn TBNN. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn TBNN 43%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 45%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 42%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy thấp hơn 81%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 73%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
Tổng lượng mưa: Phía bắc: 150-300mm, có nơi cao hơn. Phía Nam: 50-150mm, có nơi cao hơn.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Nửa đầu tháng 9, lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 30%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang ở mức thấp hơn 25%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn

TBNN 58%, sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 41%.
--

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

Tổng lượng mưa: Phổ biến 70-120mm, có nơi trên 150mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San, Srêpôk: Trong nửa cuối tháng 8, lưu lượng dòng chảy trên sông Đăkbla (Quảng Ngãi) và sông Krông Ana (Đăk Lăk) biến đổi theo xu thế tăng dần và cao hơn so với nửa đầu tháng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 78%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 61%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long có xu thế tăng dần.

b. Dự báo, cảnh báo

Tổng lượng mưa: Phổ biến 100-250mm, có nơi cao hơn.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San, Srêpôk: Trong nửa đầu tháng 9, lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng so với nửa cuối tháng 8. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 79%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 61%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm. Trên sông Tiền tại trạm Tân Châu ở cao hơn TBNN 15%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc thấp hơn 18%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 16/9/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 15/9/2026

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 15 ngày qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 15 ngày tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	167	>13	80-130	< 10-20
	Sơn La	238	>78	40-70	< 10-20
	Hòa Bình	496	>184	100-160	< 10-20
	Lào Cai	268	>43	110-180	< 15-25
	Yên Bái	178	<8	100-160	< 15-25
	Tuyên Quang	128	<9	50-90	< 15-25
	Hà Giang	100	<52	90-150	< 15-25
	Láng	393	>115	80-130	< 15-25
	Thái Bình	537	>231	110-210	< 15-25
	Nam Định	464	>163	120-220	< 15-25
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	230	>79	50-90	< 15-25
	Thái Nguyên	330	>103	90-150	< 15-25
	Bắc Ninh	485	>176	80-130	< 15-25
	Lạng Sơn	505	>311	50-90	< 15-25
	Bắc Giang	343	>114	80-130	< 15-25
	Hải Dương	522	>206	80-130	< 15-25
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	365	>88	105-170	< 10-20
	Bái Thượng	340	>65	120-220	< 10-20
	Thanh Hóa	588	>236	120-220	< 10-20
	Quỳ Châu	412	>130	110-200	Xấp xỉ
	Cửa Rào	321	>118	120-240	Xấp xỉ
	Đô Lương	308	>87	100-200	Xấp xỉ
	Vinh	623	>269	100-200	> 10-20
	Hương Sơn	486	>279	130-230	> 10-20
	Hương Khê	373	>160	180-280	> 25-50
	Hà Tĩnh	377	>183	190-320	> 20-40
	Đồng Hới	114	>8	150-250	> 25-50
	Quảng Trị	5	<95	100-200	> 30-60
	Nam Đông	6	<95	180-280	> 10-20
	Huế	3	<98	130-230	> 15-30
Lưu vực sông thuộc	Đà Nẵng	4	<97	140-240	> 10-20
	Trà My	22	<85	160-260	> 10-20

Khu vực	Trạm	Thực đo 15 ngày qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 15 ngày tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
khu vực Nam Trung Bộ	Ba Tơ	11	<90	130-230	> 10-20
	Quảng Ngãi	20	<78	110-200	> 10-20
	Quy Nhơn	4	<93	70-120	> 10-20
	An Khê	41	<48	85-140	> 10-20
	Tuy Hòa	7	<83	70-120	< 10-20
	Nha Trang	35	>17	50-90	< 10-20
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	152	<17	120-220	> 10-20
	Lắc	101	<36	110-210	Xấp xỉ
	Buôn Mê Thuột	93	<39	120-220	Xấp xỉ
	Biên Hòa	73	<56	120-220	Xấp xỉ
	Cần Thơ	102	>9	85-140	< 10-20

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 01 đến ngày 15/9/2026

Đơn vị: 10⁶ m³

Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo	So sánh TBNN	Dự báo	So sánh TBNN
Thao	Yên Bái	W	1087	<42	1309	<16
Lô	Tuyên Quang	W	592	<74	454	<73
Đà	Hồ Hòa Bình	W	3133	<26	1944	<41
Hồng	Hà Nội	W	4670	<9	3370	<19
Cầu	Gia Bảy	W	549	>135	141	<17
Lục Nam	Chũ	W	898	>333	70.4	<26
Mã	Cắm Thủy	W	1961	> 48	1361	> 29
Cả	Yên Thượng	W	1198	~ TBNN	1063	< 24
La	Hòa Duyệt	W	153	> 30	139	< 36
Tả Trách	Thượng Nhật	W	9.6	< 6	16.6	< 12
Thu Bồn	Nông Sơn	W	116	< 9	136	< 30
Trà Khúc	Sơn Giang	W	82	< 16	108	< 25
Ba	Củng Sơn	W	141	<45	156	<58
Cái N,T	Đồng Trăng	W	23.5	<42	32.4	<41
ĐăkBlá	KonTum	W	33.7	< 78	38.9	< 79
Srêpôk	Giang Sơn	W	44.7	< 61	53.1	< 61
Tiền	Tân Châu	W			31415	> 15
Hậu	Châu Đốc	W			5626	< 18